

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 92/2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2025

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về chế độ, chính sách đối với chuyên gia cao cấp

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về chế độ, chính sách đối với chuyên gia cao cấp.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về chế độ, chính sách đối với chuyên gia cao cấp; hướng dẫn việc sử dụng chuyên gia cao cấp là người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài tại các cơ quan của Đảng và Nhà nước ở trung ương gồm:

- Ban Tổ chức Trung ương.
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương.
- Ban Nội chính Trung ương.
- Ban Chính sách, chiến lược Trung ương.
- Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương.
- Văn phòng Trung ương Đảng.
- Văn phòng Chủ tịch nước.
- Văn phòng Chính phủ.
- Văn phòng Quốc hội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Chuyên gia cao cấp quy định tại Điều 1 Nghị định này là người có đủ tiêu chuẩn, điều kiện được cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm theo Quy định số 180-QĐ/TW ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Ban Bí thư về chuyên gia cao cấp, gồm:

- Cán bộ, công chức, viên chức.

2. Người đã nghỉ hưu, người làm việc ngoài hệ thống chính trị (người không thuộc biên chế của cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, bao gồm cả người Việt Nam và người nước ngoài).

Điều 3. Chế độ, chính sách đối với chuyên gia cao cấp là cán bộ, công chức, viên chức

Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này đang giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hưởng lương theo ngạch, bậc công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức và hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo hoặc không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý được bổ nhiệm làm chuyên gia cao cấp thì thôi đảm nhiệm vị trí việc làm cũ kể từ ngày được bổ nhiệm chuyên gia cao cấp, được xếp lương theo bảng lương chuyên gia cao cấp ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (sau đây viết tắt là Bảng lương chuyên gia cao cấp) và hưởng các chế độ, chính sách như sau:

1. Trường hợp đang giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,9 trở xuống hoặc không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý được hưởng chế độ, chính sách, gồm:

- a) Xếp lương vào bậc 1, hệ số lương 8,80 của Bảng lương chuyên gia cao cấp;
- b) Được hưởng chế độ, chính sách liên quan đến hoạt động công vụ tương đương chức danh Trợ lý các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước.

2. Trường hợp đang giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,0 đến 1,25 được hưởng chế độ, chính sách, gồm:

- a) Xếp lương vào bậc 2, hệ số lương 9,40 của Bảng lương chuyên gia cao cấp;
- b) Được hưởng chế độ, chính sách liên quan đến hoạt động công vụ tương đương chức danh Thứ trưởng.

3. Trường hợp đang giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,30 trở lên được hưởng chế độ, chính sách, gồm:

- a) Xếp lương vào bậc 3, hệ số lương 10,0 của Bảng lương chuyên gia cao cấp;
- b) Được hưởng chế độ, chính sách liên quan đến hoạt động công vụ tương đương chức danh Bộ trưởng.

4. Trường hợp hệ số lương mới thấp hơn tổng hệ số lương cũ (bao gồm hệ số lương theo ngạch, bậc, chức danh cộng với phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung, nếu có) thì được hưởng hệ số chênh lệch bảo lưu cho bằng tổng hệ số lương cũ.

5. Cơ quan sử dụng chuyên gia cao cấp căn cứ hiệu quả công tác của chuyên gia cao cấp và khả năng nguồn lực của cơ quan, có thể thực hiện thêm một số chế độ, chính sách khác (tiền thưởng, điều kiện làm việc...) phù hợp với tình hình thực tiễn của cơ quan.

6. Trường hợp sau khi thôi làm chuyên gia cao cấp, cơ quan có thẩm quyền quản lý bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức vào vị trí việc làm mới thì căn cứ vào bậc lương ở ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức đã được hưởng trước khi bổ nhiệm chuyên gia cao cấp và thời gian làm chuyên gia cao cấp để xếp lên bậc lương cao hơn trong ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức đó; được hưởng các chế độ phụ cấp lương (nếu có) gắn với vị trí việc làm mới theo quy định.

Điều 4. Chế độ, chính sách đối với người đã nghỉ hưu, người làm việc ngoài hệ thống chính trị quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này

1. Người đứng đầu cơ quan thỏa thuận với người dự kiến được tuyển chọn, bổ nhiệm làm chuyên gia cao cấp với mức tiền lương và chế độ, chính sách tùy từng trường hợp cụ thể trong phạm vi chế độ, chính sách đối với chuyên gia cao cấp là cán bộ, công chức, viên chức tối đa bằng mức quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này trước khi trình cấp có thẩm quyền bổ nhiệm làm chuyên gia cao cấp để làm cơ sở ký hợp đồng công việc.

2. Cơ quan sử dụng chuyên gia cao cấp đối với người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài tại Điều này phải bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật về lao động, về bí mật nhà nước, pháp luật có liên quan và quy chế làm việc của cơ quan.

Điều 5. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với chuyên gia cao cấp được bố trí từ kinh phí ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành.

2. Bộ Tài chính trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với chuyên gia cao cấp quy định tại Nghị định này theo pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 6. Trách nhiệm thực hiện

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, cơ quan sử dụng chuyên gia cao cấp có trách nhiệm sử dụng và thực hiện chế độ, chính sách đối với chuyên gia cao cấp theo quy định tại Nghị định này.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 6 năm 2025.

Điều 8. Trách nhiệm thi hành

Các cơ quan quy định tại Điều 1 Nghị định này và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, TCCV (2b)^{gg}

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Hòa Bình